

Số: **02** /2016/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **14** tháng **01** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc quy định mức chi đối với công tác
hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VI, kỳ họp thứ 11;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 06/TTr-STP ngày 07 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức chi đối với công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

Quy định mức chi này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan được giao thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

2. Kinh phí:

Kinh phí thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành và được tổng hợp vào dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Nội dung chi và mức chi:



a) Nội dung chi:

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.

b) Mức chi:

- Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải):

+ Hòa giải thành: 200.000 đồng/vụ, việc/tổ hòa giải;

+ Hòa giải không thành: 150.000 đồng/vụ, việc/tổ hòa giải.

- Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở: Mức chi bằng 05 tháng lương cơ sở.

- Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 100.000 đồng/tổ hòa giải/tháng.

- Chi bồi dưỡng thành viên Ban tổ chức bầu hòa giải viên tham gia họp chuẩn bị cho việc bầu hòa giải viên: 50.000 đồng/người/buổi.

- Chi tiền nước uống cho người tham dự cuộc họp bầu hòa giải viên: 10.000 đồng/người/buổi.

Các mức chi khác không được quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở và các Nghị quyết có liên quan của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Lập, quản lý, chấp hành, thanh toán và quyết toán kinh phí

Việc lập dự toán, quản lý, chấp hành, thanh toán và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác hòa giải ở cơ sở thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.

Điều 3. Điều khoản thi hành

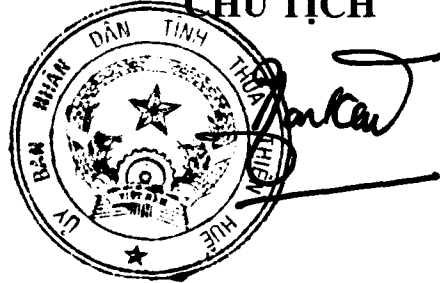
Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các quy định về mức chi đối với công tác hòa giải ở cơ sở tại Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử;
- VP UBND: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, TC, KNPL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cao

www.LuatVietnam.vn

